TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **15/**2023/DS-ST
Ngày **28-6-2023**
Về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Võ Thị Ngọc The**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** huyện T , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 164/2022/TLST- DS ngày 20 tháng 10 năm 2022 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-DS ngày 17/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-DS ngày 05/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị D** - sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Đỗ Văn P** - sinh năm 1968 (vắng mặt lần 2 không lý do)

Bà **Hồ Thị P** - sinh năm 1972 (vắng mặt lần 2 không lý do)

Cùng địa chỉ: ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:**

Trước đây ngày 20/6/2019 bà Nguyễn Thị D có cho vợ chồng ông Đỗ Văn P và bà Hồ Thị P vay số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), khi vay vợ chồng ông P bà P hứa mỗi tháng trả 1.500.000 đồng, nhưng cho đến nay chưa trả cho bà D đồng nào, bà D có đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông P bà P vẫn không trả cho bà D. Khi vay hai bên có làm biên nhận, ông P tự viết biên nhận nợ và bà Hồ Thị P ông Đỗ

Văn P cùng ký tên, trong biên nhận nợ không có ghi lãi, nhưng hai bên thỏa thuận miệng lãi suất theo ngân hàng.

Tại phiên tòa bà D yêu cầu: Bà D yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Đỗ Văn P và bà Hồ Thị P phải trả cho bà D số tiền gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); bà D không yêu cầu tính lãi.

* Vợ chồng ông Đỗ Văn P và bà Hồ Thị P đã được Tòa án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên ông Đỗ Văn P và bà Hồ Thị P không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, đề nghị buộc ông Đỗ Văn P và bà Hồ Thị P trả cho bà D số tiền vay gốc là 50.000.000đ, bà D không yêu cầu tính tiền lãi. Đình chỉ đối với yêu cầu tính tiền lãi của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đỗ Văn P và bà Hồ Thị P có địa chỉ cư trú tại ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T .

Bị đơn ông Đỗ Văn P và bà Hồ Thị P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Đỗ Văn P và bà Hồ Thị P.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy, theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị D yêu cầu vợ chồng ông Đỗ Văn P và bà Hồ Thị P trả số tiền vay vốn gốc là 50.000.000 đồng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[3] Xét thấy, ông Đỗ Văn P và bà Hồ Thị P chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện của bà D tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng ông P và bà P vắng mặt không đến Tòa án.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự: "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó" nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông P , bà P không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sợ vụ án để xem xét giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, yêu cầu ông Đỗ Văn P và bà Hồ Thị P trả số tiền vay vốn gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận. Vào ngày 20/6/2019 bà Nguyễn Thị D có cho ông Đỗ Văn P và bà Hồ Thị P vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), hai bên có làm biên nhận, ông P tự viết biên nhận nợ và bà Hồ Thị P, ông Đỗ Văn P cùng ký tên, trong biên nhận nợ không có ghi lãi, nhưng hai bên thỏa thuận miệng lãi suất theo ngân hàng nhà nước. Từ đó cho thấy việc giao dịch vay tiền giữa bà Nguyễn Thị D và ông Đỗ Văn P, bà Hồ Thị P là có thật. Do đó, đây là tình tiết, sự kiện có thật, không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy việc bà D và ông P , bà P thỏa thuận vay tiền là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định pháp luật nên được công nhận. Do ông P , bà P vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ Điều 463; 466; 470 của Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay, ông P , bà P đã nhận tài sản vay thì phải có nghĩa vụ trả tiền cho bên cho vay khi đến hạn. Do đó, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, buộc bị đơn ông Đỗ Văn P bà Hồ Thị P phải trả số tiền nợ vay gốc là 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa bà D xin rút yêu cầu tính lãi trên số tiền ông P bà P chậm trả cho bà D, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu tính lãi của bà D.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông Đỗ

Văn P và bà Hồ Thị P phải chịu án phí trên số tiền trả cho bà D được tính như sau: 50.000.000đ x 5% = 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002112 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang, do yêu cầu khởi kiện của bà D được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 463; 466; 470 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn ông Đỗ Văn P và bà Hồ Thị P.

2. Buộc ông Đỗ Văn P và bà Hồ Thị P phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền: 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Đỗ Văn P và bà Hồ Thị P phải nộp số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002112 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Đỗ Văn P và bà Hồ Thị P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS nhân dân huyện T ;*
- *Chi cục THA huyện T ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chiến